

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NVA
ĐC: 54/3 Nguyễn Bình Khiêm Q.1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 028.3910 3908 – 028.3910 6162

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 13.12.2/2024/NVA-GUQ

TP. HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011.

Tôi tên: **Nguyễn Minh Tiến**

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán NVA, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Kiểm toán NVA.

Nay ủy quyền cho:

Bà Cao Thị Hồng Nga

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Được quyền: Thay mặt Tổng Giám đốc công ty để trực tiếp giao dịch, ký Báo cáo Soát xét, Báo cáo Kiểm toán phát hành trong năm 2025 và các hồ sơ tài liệu có liên quan theo sự phân công của Tổng Giám đốc Công ty.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.



SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 13 Tháng 5 Năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Tiến

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
đã được kiểm toán**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
BIA HÀ NỘI – HÙNG YÊN 89**

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Khái quát

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000221 đăng ký lần đầu ngày 14/05/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 0900270055 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Hưng Yên cấp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 04/04/2019.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Trung Trắc - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau :

Hội đồng Quản trị :

Ông Nguyễn Đăng Toàn	Chủ tịch
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên
Ông Phan Ngọc Anh	Thành viên
Ông Dương Như Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Nghiệp	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Quang Nghiệp	Giám đốc
Bà Đào Thị Thu Hằng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Hà	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Bá Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo này

Ông Nguyễn Quang Nghiệp Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Nghiệp
Giám đốc



Hưng Yên, Ngày 25 tháng 02 năm 2025



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Thủy

Số : 24.12.5.1/24/BCKT/NVA.VP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89, được lập ngày 25/02/2025, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán, báo cáo kiểm toán số 042/2023/BCTC-FAC lập ngày 14/03/2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần



Công ty TNHH Kiểm toán NVA
Phó Tổng Giám đốc

Cao Thị Hồng Nga

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0613-2023-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Chí Thanh

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2819-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65.889.428.713	64.582.921.874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.116.064.211	24.034.851.587
1. Tiền	111		12.116.064.211	8.949.317.340
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	15.085.534.247
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.973.016.331	16.300.313.121
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	12.181.597.704	7.277.673.184
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	12.864.937.301	8.913.366.291
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.481.326	189.273.646
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(80.000.000)	(80.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	25.693.129.585	22.850.690.612
1. Hàng tồn kho	141		25.693.129.585	22.850.690.612
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.107.218.586	1.397.066.554
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2.107.218.586	1.211.819.219
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	185.247.335
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		138.982.856.284	131.066.023.648
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		110.420.754.659	71.626.654.756
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	110.420.754.659	71.626.654.756
- Nguyên giá	222		315.821.085.675	258.755.849.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(205.400.331.016)	(187.129.194.849)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.193.817.296	36.363.740.307
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	1.193.817.296	36.363.740.307
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.368.284.329	23.075.628.585
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	27.368.284.329	23.075.628.585
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		204.872.284.997	195.648.945.522

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		118.773.817.543	108.619.763.034
I. Nợ ngắn hạn	310		65.016.237.543	108.619.763.034
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	14.901.819.351	13.313.832.351
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.333.357.337	1.251.946.040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	10.230.593.615	30.788.462.563
4. Phải trả người lao động	314		6.468.656.618	5.833.644.886
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	24.998.549	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	7.717.237.311	56.207.177.675
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	23.300.904.132	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.038.670.630	1.224.699.519
II. Nợ dài hạn	330		53.757.580.000	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	53.757.580.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		86.098.467.454	87.029.182.488
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	86.098.467.454	87.029.182.488
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.800.031.856	20.800.031.856
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.298.435.598	6.229.150.632
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		629.150.632	2.160.874.352
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.669.284.966	4.068.276.280
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		204.872.284.997	195.648.945.522

Người lập biểu

Đỗ Tiến Dũng

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hằng



Giám đốc

Nguyễn Quang Nghiệp

Hưng Yên, Ngày 25 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	269.406.447.997	253.151.940.531
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	8.576.349.984	8.507.025.208
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		260.830.098.013	244.644.915.323
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	186.496.894.834	182.252.095.632
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.333.203.179	62.392.819.691
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	340.824.350	1.964.468.414
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	920.197.701	216.369.053
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		488.235.737	90.539.726
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	45.115.256.583	39.542.535.970
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	22.318.925.883	19.043.284.293
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.319.647.362	5.555.098.789
11. Thu nhập khác	31	VI.6	385.254.888	117.053.140
12. Chi phí khác	32	VI.6	694.878.154	445.321.933
13. Lợi nhuận khác	40		(309.623.266)	(328.268.793)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.010.024.096	5.226.829.996
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	1.340.739.130	1.158.553.716
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.669.284.966	4.068.276.280
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	552	445
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	552	445

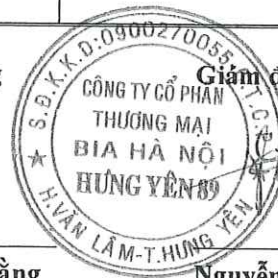
Người lập biểu

Đỗ Tiến Dũng

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hằng

Giám đốc



Nguyễn Quang Nghiệp

Hưng Yên, Ngày 25 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.010.024.096	5.226.829.996
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.850.161.008	19.151.778.918
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(328.678.460)	(1.985.793.574)
- Chi phí lãi vay	06		488.235.737	90.539.726
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.019.742.381	22.483.355.066
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.487.455.875)	(3.637.187.752)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.891.793.491)	(5.812.215.695)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13.155.322.419)	47.500.578.283
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.188.055.111)	(12.625.823.502)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(488.235.737)	(90.539.726)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.146.237.445)	(2.496.061.404)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		350.000.000	450.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.936.028.889)	(1.424.211.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.923.386.586)	44.347.894.270
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.605.037.268)	(45.327.917.495)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		374.074.074	30.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		134.658.272	1.955.793.574
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(18.096.304.922)	(43.342.123.921)



CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		53.084.038.252	27.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(29.783.134.120)	(27.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.200.000.000)	(6.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		19.100.904.132	(6.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.918.787.376)	(5.594.229.651)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		24.034.851.587	29.629.081.238
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	13.116.064.211	24.034.851.587

Người lập biểu



Đỗ Tiến Dũng

Kế toán trưởng



Đào Thị Thu Hằng

Giám đốc



Nguyễn Quang Nghiệp

Hưng Yên, Ngày 25 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000221 đăng ký lần đầu ngày 14/05/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 0900270055 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Hưng Yên cấp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 04/04/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Trung Trắc - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh trong 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31/12/2024 là: 125 người (tại ngày 31/12/2023 là 134 người).

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và cũng không có đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán để lập báo cáo tài chính.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

- + Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- + Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được xác định theo nguyên tắc sau:

- + Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.



CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
Nhà cửa vật kiến trúc	5-25	5-25
Máy móc thiết bị	5-15	5-15
Phương tiện vận tải	6-10	6-10
Thiết bị dụng cụ quản lý	6-10	6-10

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty thực hiện chính sách khấu hao nhanh hơn mức bình thường 2 lần đối với một số tài sản. Khấu hao tăng thêm như sau:

Loại tài sản	Khấu hao bình thường	Khấu hao 2 lần	Chênh lệch tăng
Máy móc thiết bị	598.278.412	1.196.556.823	598.278.411

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (năm trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, hoặc cộng trừ các khoản phân bổ lũy kế theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại tuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của doanh nghiệp sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	1.114.874.754	2.304.115.612
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.001.189.457	6.645.201.728
Tương đương tiền (*)	1.000.000.000	15.085.534.247
Cộng	13.116.064.211	24.034.851.587

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng theo các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai đang được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT136-HABECO89 ngày 18/12/2024.

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty TNHH Phân Phối Đồ uống Phương Nam	2.756.839.200	353.062.200
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Hà Nội	8.650.076.176	6.465.849.844
Các đối tượng khác	774.682.328	458.761.140
Cộng	12.181.597.704	7.277.673.184

Phải thu khách hàng là bên liên quan Xem thuyết minh VII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty TNHH Công Nghệ và Nguyên Liệu Thực Phẩm	6.071.897.484	-
Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Thực Phẩm An Vượng	-	1.418.648.000
Công ty TNHH Công Nghệ Môi trường & Phát triển Bền Vững	-	986.129.600
Công ty CP Tập đoàn kỹ thuật và công nghiệp Việt Nam	-	1.193.134.080
Công ty TNHH NAGAOKA Việt Nam	-	1.881.000.000
AKOMAG S.r.l.	4.034.297.889	-
Các đối tượng khác	2.758.741.928	3.434.454.611
Cộng	12.864.937.301	8.913.366.291

Trả trước cho người bán là bên liên quan Xem thuyết minh VII.2

4. Phải thu khác ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Lãi dự thu	1.315.068	40.709.499
Phải thu khác	5.166.258	148.564.147
Cộng	6.481.326	189.273.646

Phải thu khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH Chế tạo thiết bị công nghệ Thành Phát	80.000.000	(80.000.000)	80.000.000	(80.000.000)
Cộng	80.000.000	(80.000.000)	80.000.000	(80.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.361.970.464	-	13.905.758.415	-
Công cụ, dụng cụ	9.236.368.124	-	4.151.621.172	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.892.845.399	-	4.532.447.463	-
Thành phẩm	114.400.168	-	224.798.234	-
Hàng hóa	87.545.430	-	36.065.328	-
Cộng	25.693.129.585	-	22.850.690.612	-

7. Chi phí trả trước

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Giá trị còn lại của công cụ, vỏ keg	249.517.185	330.589.193
Chi phí sửa chữa, khác	1.857.701.401	881.230.026
Cộng	2.107.218.586	1.211.819.219
b. Dài hạn		
Giá trị còn lại của công cụ, vỏ keg	19.310.699.554	15.048.399.036
Chi phí khác	8.057.584.775	8.027.229.549
Cộng	27.368.284.329	23.075.628.585

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí cải tạo, mua sắm hình thành tài sản cố định	1.193.817.296	36.363.740.307
Cộng	1.193.817.296	36.363.740.307

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HÙNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ Quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá					Cộng
Số dư đầu năm	38.565.294.280	201.322.118.417	18.309.255.994	559.180.914	258.755.849.605
Số tăng trong năm	2.644.181.579	50.202.253.284	5.865.517.402	112.362.532	58.824.314.797
- <i>Mua trong năm</i>	-	-	5.645.474.000	34.536.364	5.680.010.364
- <i>Đầu tư XD CB hoàn thành</i>	2.644.181.579	50.202.253.284	220.043.402	77.826.168	53.144.304.433
Số giảm trong năm	153.470.000	204.836.000	1.400.772.727	-	1.759.078.727
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	153.470.000	204.836.000	1.400.772.727	-	1.759.078.727
Số dư cuối năm	41.056.005.859	251.319.535.701	22.774.000.669	671.543.446	315.821.085.675
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	18.183.278.861	157.685.413.225	10.769.592.816	490.909.947	187.129.194.849
Số tăng trong năm	2.900.409.077	15.138.447.288	1.778.924.738	32.379.905	19.850.161.008
- <i>Khấu hao trong năm</i>	2.900.409.077	15.138.447.288	1.778.924.738	32.379.905	19.850.161.008
Số giảm trong năm	113.617.337	131.053.394	1.334.354.110	-	1.579.024.841
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	113.617.337	131.053.394	1.334.354.110	-	1.579.024.841
Số dư cuối năm	20.970.070.601	172.692.807.119	11.214.163.444	523.289.852	205.400.331.016
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	20.382.015.419	43.636.705.192	7.539.663.178	68.270.967	71.626.654.756
Tại ngày cuối năm	20.085.935.258	78.626.728.582	11.559.837.225	148.253.594	110.420.754.659

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng 123.497.256.359 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để chấp đảm bảo các khoản vay: 21.538.207.423 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HÙNG YÊN 89
 Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Cuối năm		Phát sinh trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Phố Hiến (*)	8.300.904.132	8.300.904.132	36.393.130.660	28.092.226.528	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai (**)	15.000.000.000	15.000.000.000	16.690.907.592	1.690.907.592	-	-
Tổng cộng	23.300.904.132	23.300.904.132	53.084.038.252	29.783.134.120	-	-

(*) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh Phố Hiến theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 24.0518/VCB.PHI ngày 06/11/2024. Thời hạn vay 5 tháng/ lần nhận nợ. Số tiền cho vay tối đa: 30.000.000.000 VND. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất. Tài sản đảm bảo là các tài sản quy định trong Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 24.0518/VCB.PHI ngày 06/11/2024.

(**) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh Hoàng Mai theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT136-HABECO89 ngày 18/12/2024. Thời hạn vay 6 tháng/ lần nhận nợ. Số tiền cho vay tối đa: 15.000.000.000 VND. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các tài sản quy định trong Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT136-HABECO89 ngày 18/12/2024.



CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TM và Vận tải Thái Duyên	3.559.423.500	3.559.423.500	1.783.143.558	1.783.143.558
Công ty CP Song Phương KHS GmbH	1.535.730.000	1.535.730.000	737.917.200	737.917.200
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Hà Nội	863.976.477	863.976.477	4.061.685.563	4.061.685.563
Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Đại Việt	-	-	784.834.998	784.834.998
Các đối tượng khác	-	-	2.478.405.211	2.478.405.211
Cộng	8.942.689.374	8.942.689.374	3.467.845.821	3.467.845.821
	14.901.819.351	14.901.819.351	13.313.832.351	13.313.832.351

b. Phải trả người bán là bên liên quan : Xem thuyết minh VII.2

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Vương Tiến Luân	-	129.551.140
Hoàng Văn Đa	143.698.695	52.571.420
Các khách hàng khác	1.189.658.642	1.069.823.480
Cộng	1.333.357.337	1.251.946.040

Người mua trả tiền trước là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm VND
Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	13.669.743.351	28.077.359.111	40.752.691.517	994.410.945
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.656.402.764	2.656.402.764	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	15.912.138.772	188.789.131.421	196.883.571.047	7.817.699.146
Thuế xuất nhập khẩu	-	321.643.083	321.643.083	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.145.814.446	1.340.739.130	1.146.237.445	1.340.316.131
Thuế thu nhập cá nhân	55.965.994	1.067.273.049	1.051.151.650	72.087.393
Thuế tài nguyên	4.800.000	250.395.400	249.115.400	6.080.000
Thuế đất, tiền thuê đất	-	161.785.350	161.785.350	-
Các khoản khác	-	52.492.984	52.492.984	-
Cộng	30.788.462.563	222.717.222.292	243.275.091.240	10.230.593.615

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí lãi vay	24.998.549	
Cộng	24.998.549	-

15. Phải trả khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Nhận ký cược	7.417.270.000	56.135.248.000
Phải trả khác	299.967.311	71.929.675
Cộng	7.717.237.311	56.207.177.675
b. Dài hạn		
Nhận ký cược	53.757.580.000	-
Cộng	53.757.580.000	-

Phải trả khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trác, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	20.800.031.856	10.569.831.707	91.369.863.563
Lãi trong năm trước	-		4.068.276.280	4.068.276.280
Trích lập các quỹ			(1.808.957.355)	(1.808.957.355)
Chia cổ tức			(6.600.000.000)	(6.600.000.000)
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	20.800.031.856	6.229.150.632	87.029.182.488
Lãi trong năm nay			4.669.284.966	4.669.284.966
Trích lập các quỹ			(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Chia cổ tức			(4.200.000.000)	(4.200.000.000)
Thường ban điều hành			(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư cuối năm nay	60.000.000.000	20.800.031.856	5.298.435.598	86.098.467.454

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	3.000.000.000	5,0	3.000.000.000	5,0
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	7.500.000.000	12,5	7.500.000.000	12,5
Công ty CP VINACEGLASS	12.000.000.000	20,0	12.000.000.000	20,0
Công ty TNHH Hải Hà	6.700.000.000	11,2	6.700.000.000	11,2
Trương Thị Hòa	6.200.000.000	10,3	6.200.000.000	10,3
Vốn góp của các cổ đông khác	24.600.000.000	41,0	24.600.000.000	41,0
Cộng	60.000.000.000	100	60.000.000.000	100

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(4.200.000.000)	(6.600.000.000)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.206.391.600	10.799.701.767
Doanh thu bán các thành phẩm	263.942.043.543	241.011.600.615
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.258.012.854	1.340.638.149
Cộng	269.406.447.997	253.151.940.531

Doanh thu với các bên liên quan:

Công ty TNHH Hải Hà	2.066.988.374	5.420.797.739
- Doanh thu đã bao gồm thuế TTĐB	3.410.530.817	8.944.316.270
- Thuế TTĐB	1.343.542.443	3.523.518.531
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	43.126.323.991	33.930.682.393
- Doanh thu đã bao gồm thuế TTĐB	95.265.120.760	75.191.573.800
- Thuế TTĐB	52.138.796.769	41.260.891.407

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	8.454.109.544	8.507.025.208
Hàng bán bị trả lại	122.240.440	-
Cộng	8.576.349.984	8.507.025.208

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	9.757.524.082
Giá vốn của thành phẩm đã bán	181.889.492.802	171.121.780.110
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.607.402.032	1.372.791.440
Cộng	186.496.894.834	182.252.095.632

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	134.658.272	1.955.793.574
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	206.166.078	8.674.840
Cộng	340.824.350	1.964.468.414

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	488.235.737	90.539.726
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	336.723.857	125.829.327
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	95.238.107	-
Cộng	920.197.701	216.369.053

6. Thu nhập khác, Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	194.020.188	30.000.000
Thu nhập khác	191.234.700	87.053.140
Cộng	385.254.888	117.053.140
b. Chi phí khác		
Chi phí phạt vi phạm hành chính	95.665.152	51.239.194
Chi phí khác	599.213.002	394.082.739
Cộng	694.878.154	445.321.933

7. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	25.466.788.261	22.273.066.937
Chi phí nhân viên	6.975.590.160	6.373.632.457
Chi phí khấu hao TSCĐ	268.456.337	442.668.229
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	8.342.904.404	8.100.688.928
Chi phí khác	4.061.517.421	2.352.479.419
Cộng	45.115.256.583	39.542.535.970

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	1.165.114.110	749.457.929
Chi phí nhân viên	8.466.886.882	7.729.192.394
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.371.922.355	1.030.377.840
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	6.451.907.837	7.414.239.674
Chi phí khác	4.863.094.699	2.120.016.456
Cộng	22.318.925.883	19.043.284.293

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	159.850.568.347	148.464.279.782
Chi phí nhân công	32.476.419.475	30.329.556.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.850.161.008	19.151.778.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.164.528.070	28.292.108.666
Chi phí khác bằng tiền	9.839.400.270	5.679.075.443
Cộng	253.181.077.170	231.916.799.413

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.010.024.096	5.226.829.996
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	693.671.552	565.938.585
- Các khoản điều chỉnh tăng	693.671.552	565.938.585
+ Chi phí không được khấu trừ	693.671.552	565.938.585
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	6.703.695.648	5.792.768.581
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.340.739.130	1.158.553.716

11. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	4.669.284.966	4.068.276.280
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận	(1.359.150.632)	(1.400.000.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	1.359.150.632	1.400.000.000
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	3.310.134.334	2.668.276.280
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.000.000	6.000.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	552	445
- Lãi suy giảm	552	445

Lãi trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do xác định lại số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024: Xem thêm VII.10

Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trong năm nay là phần quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành tạm tính theo kế hoạch phân chia lợi nhuận 2024 được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua ngày 10/05/2024.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Danh mục các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP TM Bia Hà Nội	Cổ đông lớn
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty CP VINACEGLASS	Cổ đông lớn
Trương Thị Hòa	Cổ đông lớn

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh doanh thu đã thuyết minh tại mục VI.1. Trong năm Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu (không bao gồm VAT) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)	
		Năm nay	Năm trước
Công ty CP TM Bia Hà Nội	Chia cổ tức	525.000.000	825.000.000
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Mua hàng	4.280.520.500	3.395.814.000
	Phí lixang	4.865.238.200	5.298.854.057
	Nhận tiền thưởng	400.000.000	450.000.000
	Chia cổ tức	210.000.000	330.000.000
Công ty TNHH Hải Hà	Chia cổ tức	469.000.000	737.000.000
Công ty CP VINACEGLASS	Chia cổ tức	840.000.000	1.320.000.000
Trương Thị Hòa	Chia cổ tức	434.000.000	647.900.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng (TM V.2)		
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	8.650.076.176	6.465.849.844
Phải trả người bán (TM V.11)		
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	863.976.477	784.834.998

Thu nhập của Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng trong năm:

Họ và tên	Chức danh	Nội dung	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc				
Nguyễn Đăng Toàn	Chủ tịch HĐQT	Lương, thưởng	1.142.380.769	1.094.075.000
Phạm Trung Kiên	Thành viên HĐQT	Thù lao	75.000.000	45.000.000
		Lương, thưởng	50.000.000	30.000.000
Phan Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	Thù lao	75.000.000	45.000.000
		Lương, thưởng	50.000.000	30.000.000
Dương Như Quang	Thành viên HĐQT	Thù lao	75.000.000	45.000.000
		Lương, thưởng	50.000.000	30.000.000
Nguyễn Hải Quân	Thành viên HĐQT	Thù lao	75.000.000	45.000.000
		Lương, thưởng	50.000.000	30.000.000
Nguyễn Văn Việt	Thành viên HĐQT	Thù lao	75.000.000	45.000.000
		Lương, thưởng	50.000.000	30.000.000
Nguyễn Quang Nghiệp	Thành viên HĐQT	Thù lao	75.000.000	45.000.000
	Giám đốc	Lương, thưởng	862.700.983	785.169.504
Đào Thị Thu Hằng	Phó Giám đốc/ Kế toán trưởng	Lương, thưởng	736.954.875	696.018.060
Ông Phạm Ngọc Hà	Phó giám đốc	Lương, thưởng	685.434.074	613.815.000
Ban Kiểm soát				
Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng ban	Lương, thưởng	261.837.204	223.995.298
Nguyễn Bá Ngọc	Thành viên	Thù lao	30.000.000	21.000.000
		Lương, thưởng	7.000.000	
Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	Thù lao	30.000.000	21.000.000
		Lương, thưởng	7.000.000	

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

4. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn và tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.1; V.8 và V.10). Tại thời điểm kết thúc năm Công ty không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.



CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	63.977.566.913	53.757.580.000	117.735.146.913
Vay và nợ	23.300.904.132	-	23.300.904.132
Phải trả người bán	14.901.819.351	-	14.901.819.351
Người mua trả trước	1.333.357.337	-	1.333.357.337
Chi phí phải trả	24.998.549	-	24.998.549
Các khoản phải trả khác	24.416.487.544	53.757.580.000	78.174.067.544
Số đầu năm	107.395.063.515	-	107.395.063.515
Phải trả người bán	13.313.832.351	-	13.313.832.351
Người mua trả trước	1.251.946.040	-	1.251.946.040
Các khoản phải trả khác	92.829.285.124	-	92.829.285.124

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

9. Thông tin về các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

10. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán. Số liệu lãi trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do xác định lại số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được Đại hội cổ đông thông qua năm 2024. Cụ thể như sau:

Nội dung	Năm trước	Năm trước	Chênh lệch
	Trình bày lại	Đã báo cáo	
Các khoản điều chỉnh giảm	1.400.000.000	172.901.742	1.227.098.258
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	2.668.276.280	3.895.374.538	(1.227.098.258)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	445	649	(204)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	445	649	(204)

Người lập biểu



Đỗ Tiến Dũng

Kế toán trưởng



Đào Thị Thu Hằng



Giám đốc

Nguyễn Quang Nghiệp

Hưng Yên, Ngày 25 tháng 02 năm 2025.